

Số: 448.../QĐ-DBV

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy tắc bảo hiểm Thân tàu cá

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

- Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép số 49/GD/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/04/2008 về việc thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không và Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDC43/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 06/5/2025 cho phép đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Xét đề nghị của Giám đốc Ban Tài sản Kỹ thuật - Hàng hải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy tắc bảo hiểm Thân tàu cá” của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 197/2019/QĐ-BHHK ngày 01/04/2019.

Điều 3. Các Ông/Bà Phó Tổng Giám đốc, các Ban, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD (để b/c);
- Lưu VT, Ban TSKT-HH.

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ



Tào Thị Thanh Hoa

QUY TẮC BẢO HIỂM THÂN TÀU CÁ

(Ban hành theo Quyết định số 418/QĐ-DBV ngày 03 tháng 06 năm 2025

của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV)

CHƯƠNG I - ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM

Điều 1 Đối tượng bảo hiểm

- 1.1 Tùy theo yêu cầu của Người được bảo hiểm, Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là DBV) nhận bảo hiểm theo thời hạn đối với một hoặc cả hai đối tượng bảo hiểm sau:
- (a) Thân tàu, bao gồm: Vỏ tàu; Máy tàu; Các trang thiết bị hàng hải;
- (b) Ngư lưới cụ; Máy móc, trang thiết bị dùng để đánh bắt, bảo quản, chế biến thủy sản hoặc nghiên cứu khoa học.
- 1.2 Thuật ngữ tàu trong Điều khoản này bao gồm các loại tàu thuyền dùng để khai thác, chế biến, chuyên chở thủy sản, nghiên cứu khoa học, và tàu thuyền phục vụ trong ngành thủy sản như dùng để tiếp nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, kể cả tàu thuyền công tác, kiểm tra,...

CHƯƠNG II - PHẠM VI BẢO HIỂM

Người được bảo hiểm có thể tham gia bảo hiểm thân tàu theo một trong hai điều kiện bảo hiểm A (Điều 2) hoặc điều kiện bảo hiểm B (Điều 3), hoặc kết hợp một trong hai điều kiện đó với điều kiện bảo hiểm quy định tại Điều 4 dưới đây:

Điều 2 Điều kiện bảo hiểm A

Khi nhận bảo hiểm cho tàu theo điều kiện bảo hiểm này, DBV sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với:

- 2.1 Tổn thất toàn bộ (thực tế hoặc ước tính) hay tổn thất bộ phận đối với thân tàu

được bảo hiểm là hậu quả trực tiếp gây ra bởi những nguyên nhân sau:

- (a) Đâm va với tàu, thuyền, máy bay, phương tiện vận chuyển trên bờ hoặc dưới nước;
- (b) Mắc cạn, đâm va vào đá, vật thể ngầm hoặc nổi, trôi hoặc cố định (trừ bom mìn và thủy lôi), cầu, phà, đê, công trình đê, đập, kè, cầu cảng;
- (c) Cháy nổ ngay trên tàu hoặc cháy nổ ở nơi khác gây tổn thất cho tàu (trong trường hợp không xác định được nguyên nhân cháy, nổ thì DBV chỉ bồi thường tối đa 50% tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm);
- (d) Vứt bỏ một phần tài sản khỏi tàu trong trường hợp cần thiết và hợp lý nhằm hạn chế, giảm thiểu hoặc ngăn ngừa tổn thất có thể xảy ra đối với thân tàu được bảo hiểm;
- (e) Mất tích;
- (f) Động đất, sụt lở, núi lửa phun hay sét đánh;
- (g) Bão, sóng thần, mưa đá;
- (h) Tai nạn xảy ra trong lúc xếp dỡ di chuyển thủy hải sản, nhiên liệu hoặc trong khi tàu đang neo đậu, lên đà, sửa chữa ở xưởng;
- (i) Nổ nồi hơi, gãy trục cơ, hoặc hư hỏng do khuyết tật ngầm trong các bộ phận của vỏ tàu, máy tàu gây ra với điều kiện khuyết tật ngầm đó đã qua cuộc kiểm tra, giám định bình thường mà không thể phát hiện được. Trong trường hợp này, DBV chỉ bồi thường các tổn thất là hậu quả của nổ nồi hơi, gãy trục cơ, hoặc hư hỏng của bộ phận bị khuyết tật ngầm mà không bồi thường chính bản thân nồi hơi, trục cơ, hay bộ phận bị khuyết tật ngầm và chi phí liên quan trừ trường hợp việc nổ nồi hơi, gãy trục cơ gây ra bởi một rủi ro được bảo hiểm;
- (j) Sơ suất của thuyền trưởng, thuyền phó, thuyền viên, hoa tiêu trong việc điều khiển tàu hoặc của người sửa chữa với điều kiện người sửa chữa không phải là Người được bảo hiểm.

2.2 Những chi phí cần thiết và hợp lý trong việc:

- (a) Hạn chế tổn thất có thể dẫn đến khiếu nại đòi bồi thường theo điều khoản này. Riêng chi phí lai dắt tối đa không vượt quá 2% số tiền bảo hiểm/1 vụ tổn thất

✓



với điều kiện phải có ảnh chụp và video quay đoàn lai dất, trường hợp trục vớt phải có sự đồng ý trước bằng văn bản của DBV;

- (b) Kiểm tra, giám định hư hại, tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm;
- (c) Trợ giúp, cứu nạn, cứu hộ với điều kiện những chi phí này không đòi được từ phía người được trợ giúp, cứu hộ;
- (d) Kiểm tra đáy tàu sau khi mắc cạn kể cả trong trường hợp không phát hiện được tổn thất;

Điều 3 Điều kiện bảo hiểm B

Khi nhận bảo hiểm cho tàu theo điều kiện bảo hiểm này, DBV sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với:

- 3.1 Tổn thất toàn bộ (thực tế hoặc ước tính) đối với thân tàu được bảo hiểm là hậu quả trực tiếp gây ra bởi những nguyên nhân sau:
- (a) Đâm va với tàu, thuyền, máy bay, phương tiện vận chuyển trên bờ hoặc dưới nước;
 - (b) Mắc cạn, đâm va vào đá, vật thể ngầm hoặc nổi, trôi hoặc cố định (trừ bom mìn và thủy lôi), cầu, phà, đà, công trình đê, đập, kè, cầu cảng;
 - (c) Cháy nổ ngay trên tàu hoặc cháy nổ ở nơi khác gây tổn thất cho tàu (trong trường hợp không xác định được nguyên nhân cháy, nổ thì DBV chỉ bồi thường tối đa 50% tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm);
 - (d) Mất tích;
 - (e) Động đất, sụt lở, núi lửa phun hay sét đánh;
 - (f) Bão, sóng thần, mưa đá;
 - (g) Tai nạn xảy ra trong lúc xếp dỡ di chuyển thủy hải sản, nhiên liệu hoặc trong khi tàu đang neo đậu, lên đà, sửa chữa ở xưởng;
 - (h) Sơ suất của thuyền trưởng, thuyền phó, thuyền viên, hoa tiêu trong việc điều khiển tàu hoặc của người sửa chữa với điều kiện người sửa chữa không phải

✓



là Người được bảo hiểm;

- 3.2 Những chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ tàu phải gánh chịu trong việc hạn chế, ngăn ngừa tổn thất toàn bộ xảy ra đối với tàu được bảo hiểm. Riêng chi phí lai dắt tối đa không vượt quá 2% số tiền bảo hiểm/1 vụ tổn thất với điều kiện phải có ảnh chụp và video quay đoàn lai dắt, trường hợp trực vớt phải có sự đồng ý trước của DBV bằng văn bản.

Điều 4 Bảo hiểm ngư cụ và trang thiết bị đánh bắt thủy hải sản

- (a) Với điều kiện tàu được bảo hiểm đang tham gia bảo hiểm thân tàu theo Điều kiện bảo hiểm A hoặc B của Điều khoản này, Người được bảo hiểm có quyền lựa chọn tham gia thêm loại hình bảo hiểm Ngư cụ và trang thiết bị đánh bắt thủy hải sản.
- (b) Để tham gia bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải có yêu cầu bảo hiểm và được DBV đồng ý, Người được bảo hiểm phải đóng thêm phí bảo hiểm theo yêu cầu của DBV đồng thời việc tham gia bảo hiểm phải được kê khai chi tiết trong bảng kê khai tài sản được DBV đính kèm Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- (c) Khi tham gia bảo hiểm theo loại hình này, DBV sẽ bồi thường đối với ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt thủy hải sản được trang bị trên tàu được bảo hiểm (đã được kê khai trên giấy chứng nhận bảo hiểm) bị mất khi tàu được bảo hiểm bị tổn thất toàn bộ và đã được bồi thường theo Điều kiện bảo hiểm A hoặc B nêu trên.

Điều 5 Rủi ro ô nhiễm

DBV nhận bảo hiểm tổn thất đối với tàu được bảo hiểm gây ra từ các Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm phòng ngừa hoặc hạn chế nguy cơ hoặc rủi ro ô nhiễm với điều kiện:

- 5.1 Tổn thất của tàu thuộc trách nhiệm của DBV được quy định ở Điều 2 hay Điều 3 trên đây.
- 5.2 Hành động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm phòng ngừa hoặc hạn chế nguy cơ hoặc rủi ro ô nhiễm không phải là do thiếu miễn căn hợp lý của Người được bảo hiểm, chủ tàu hay người quản lý tàu trong việc phòng ngừa hoặc hạn chế nguy cơ hoặc rủi ro ô nhiễm.

Điều 6 Mở rộng phạm vi bảo hiểm

Ngoài phạm vi bảo hiểm quy định trên đây, DBV còn nhận trách nhiệm bồi thường tổn thất xảy ra trong trường hợp:

- 6.1 Tàu buộc phải chạy bằng buồm hay động cơ hoặc kết hợp cùng một lúc cả hai loại đó trong hoàn cảnh và lý do chính đáng;
- 6.2 Cứu hộ, trợ giúp hoặc lai kéo tàu khác khi gặp nạn. Những hư hỏng mất mát và tổn thất vật chất xảy ra trong thời gian này chỉ thuộc trách nhiệm bảo hiểm đối với phần chi phí sửa chữa mà Người được bảo hiểm không thu hồi được đầy đủ do phía tàu được cứu giúp thực sự không đủ khả năng hoàn trả;
- 6.3 Tàu được bảo hiểm đâm va với tàu cùng chủ hoặc cùng thuộc quyền quản lý hoặc khi được những tàu cùng chủ cứu hộ.
- 6.4 Với điều kiện Người được bảo hiểm phải thỏa thuận trước và nộp thêm phí bảo hiểm theo yêu cầu của DBV, Bảo hiểm DBV sẽ nhận bảo hiểm trong trường hợp có sự thay đổi về phạm vi hoạt động, về việc đánh bắt thủy hải sản, về việc lai dắt không theo tập quán.

CHƯƠNG III – LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 7 Những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

- 7.1 DBV không chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất xảy ra, kể cả những tổn thất gây ra trực tiếp bởi những rủi ro được bảo hiểm trong những trường hợp sau:
 - (a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu được bảo hiểm hết hạn, bị thu hồi, bị tạm đình chỉ hoặc bị đình chỉ hiệu lực;
 - (b) Tàu được bảo hiểm hoạt động không đúng vùng hoạt động quy định bởi Giấy phép khai thác thủy sản và/hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hay quy định khác của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;
 - (c) Tàu được bảo hiểm bị đình chỉ hoạt động hoặc bị tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản và/hoặc giấy phép khai thác thủy sản của tàu bị hết hạn,
 - (d) Hành động gian dối, không trung thực, cố ý gây thiệt hại của Người được bảo hiểm hoặc đại lý, đại diện, thuyền viên, người làm việc trên tàu được bảo hiểm

trong việc gây ra tổn thất và/hoặc khai báo tổn thất;

- (e) Tàu được bảo hiểm vi phạm lệnh cấm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc khai thác/đánh bắt thủy sản bất hợp pháp;
- (f) Vi phạm các qui định của pháp luật về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động khai thác thủy sản, bao gồm:
 - Tàu không được bố trí đầy đủ chức danh và/hoặc không đủ định biên thuyền viên an toàn tối thiểu theo quy định;
 - Khi tàu đang hoạt động mà người đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền phó, thợ máy không có văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn theo quy định của pháp luật;
 - Thuyền viên đang trong ca trực sử dụng rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác;
 - Tàu được bảo hiểm chở quá sức chở cho phép.
 - Các quy định pháp luật liên quan khác.
- (h) Tàu neo đậu tại nơi không được phép neo đậu hoặc được phép neo đậu mà không được neo, buộc chắc chắn, không có thuyền viên trực hoặc thuyền viên trực bỏ tàu đi vắng (trừ khi có lệnh rời tàu của cơ quan có thẩm quyền) dù ban ngày hay ban đêm;

7.2 DBV không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra do những nguyên nhân sau:

- (a) Do vỏ, máy móc hoặc trang thiết bị hàng hải của tàu cũ kỹ hay bị hao mòn tự nhiên.
- (b) Tàu được bảo hiểm bị mắc cạn bởi ảnh hưởng của thủy triều hoặc con nước lên xuống.

7.3 Trừ khi có thỏa thuận khác, DBV không chịu trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất hoặc những chi phí phát sinh do:

- (a) Rủi ro chiến tranh hoặc những rủi ro tương tự chiến tranh;

- (b) Tàu được bảo hiểm bị cướp, bị bắt giữ do mọi nguyên nhân tại bất cứ nơi nào;

- (c) Tàu được bảo hiểm bị trưng dụng hoặc sử dụng vào mục đích quân sự;
- (d) Bao loạn, hành động phá hoại hoặc khủng bố;
- (e) Bất cứ vụ nổ của các loại vũ khí hoặc chất nổ nào;
- (f) Rủi ro hạt nhân, nguyên tử.

Điều 8 Những chi phí loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

DBV không chịu trách nhiệm bồi thường đối với những chi phí có liên quan dưới đây, dù những chi phí đó do những rủi ro được bảo hiểm gây ra:

- 8.1 Chi phí liên quan đến sự chậm trễ hành trình của tàu, sản phẩm thủy sản hoặc hàng hóa bị giảm giá trị, bị mất thị trường hoặc chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tàu được bảo hiểm.
- 8.2 Mọi chi phí liên quan về:
 - (a) Cạo hà, gõ rỉ, sơn lườn hoặc đáy tàu (trừ chi phí làm sạch bề mặt và sơn phần tôn thay thế thuộc trách nhiệm bảo hiểm);
 - (b) Lương và các khoản phụ cấp lương hoặc trợ cấp của thuyền viên, trừ trường hợp tổn thất chung hoặc trường hợp nhằm mục đích duy nhất di chuyển tàu từ một cảng đến một cảng khác để sửa tổn hại theo yêu cầu của DBV và được DBV chấp nhận ;
 - (c) Đưa tàu đến nơi sửa chữa;
 - (d) Công tác phí, các chi phí liên quan của Người được bảo hiểm hoặc của người được Người được bảo hiểm uỷ quyền bỏ ra để thu thập hồ sơ khiếu nại hay giải quyết sự cố, trừ những chi phí đã được bảo hiểm theo khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 ở trên.
 - (e) Tiền cước vận chuyển hoặc tiền cho thuê tàu.
- 8.3 Chi phí sửa chữa, thay thế bộ phận vỏ tàu, bộ phận máy tàu, trục cơ hoặc nồi hơi bị tổn thất do khuyết tật ngầm gây ra.

Điều 9 DBV không chịu trách nhiệm bồi thường mọi hư hỏng, mất mát và tổn thất



liên quan đến tiền mặt, các loại giấy tờ có giá, kim loại quý, đá quý, đồ vật có giá trị quý hiếm hoặc các tài sản không cần thiết cho một chuyến đi thông thường của tàu.

CHƯƠNG IV – HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Điều 10 Yêu cầu và chấp nhận bảo hiểm

10.1 Yêu cầu bảo hiểm:

Khi yêu cầu bảo hiểm, người yêu cầu bảo hiểm phải gửi cho DBV Giấy yêu cầu bảo hiểm. Để xem xét nhận bảo hiểm, DBV có thể yêu cầu Người yêu cầu bảo hiểm cung cấp các tài liệu sau:

- (a) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện tàu cá.
- (b) Sổ chứng nhận khả năng hoạt động tàu cá (Sổ đăng kiểm tàu cá).
- (c) Tài liệu chứng minh giá trị của tàu.
- (d) Biên bản kiểm tra tàu khi giao nhận tàu hoặc biên bản kiểm tra từng phần của Đăng kiểm.
- (e) Báo cáo tình hình tổn thất của tàu xảy ra trước khi yêu cầu bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm cũ (nếu có).
- (f) Bảng kê khai chi tiết các ngư lưới cụ yêu cầu bảo hiểm (nếu có).

10.2 Chấp nhận bảo hiểm:

- (a) Trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm và các thông tin về tàu được bảo hiểm do Người yêu cầu bảo hiểm cung cấp, DBV sẽ xem xét để nhận bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, các Giấy sửa đổi bổ sung đính kèm và chứng từ thanh toán phí bảo hiểm là các bộ phận cấu thành của Hợp đồng bảo hiểm. Ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm được coi là ngày ký Hợp đồng bảo hiểm.
- (b) DBV có quyền yêu cầu được kiểm tra tàu trước khi nhận bảo hiểm.
- (c) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận bảo hiểm, DBV có quyền yêu



cầu được kiểm tra tình trạng chung của tàu. Nếu xét thấy không đảm bảo, DBV sẽ thông báo chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và/hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm cho đến khi tàu được sửa chữa lại phù hợp với các quy phạm của Đăng kiểm.

Điều 11 Thanh toán phí bảo hiểm

11.1 Phí bảo hiểm:

- (a) Phí bảo hiểm được tính trên cơ sở số tiền bảo hiểm và tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng cho tàu tham gia bảo hiểm theo các điều kiện bảo hiểm cụ thể.
- (b) Người được bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán phí bảo hiểm theo quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc thông báo thu phí.

11.2 Thời hạn nộp phí bảo hiểm:

- (a) Thời hạn nộp phí bảo hiểm được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc thông báo thu phí.
- (b) Trường hợp đến hạn thanh toán phí bảo hiểm, Người được bảo hiểm không thanh toán (trừ khi có thỏa thuận khác) Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt/đình chỉ hiệu lực bảo hiểm mà không cần có sự thông báo trước từ DBV. Trong trường hợp đó bất kỳ tổn thất nào xảy ra trong giai đoạn hợp đồng bị chấm dứt / đình chỉ hiệu lực bảo hiểm sẽ không thuộc trách nhiệm bồi thường của DBV.
- (c) Trường hợp Người được bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định, ngoài việc tự động chấm dứt / đình chỉ hiệu lực bảo hiểm, Người được bảo hiểm vẫn phải nộp số phí cho thời gian đã bảo hiểm dù tàu có bị tổn thất hay không.

11.3 Thanh toán phí bảo hiểm trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ.

- (a) Người được bảo hiểm phải nộp toàn bộ số phí bảo hiểm cho DBV trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ thuộc trách nhiệm của DBV trong vòng 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày DBV chấp nhận thông báo tổn thất toàn bộ của Người được bảo hiểm.

- (b) Trường hợp tổn thất toàn bộ thân tàu không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của DBV, Người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm cho thời gian được bảo hiểm đến khi xảy ra tổn thất toàn bộ nhưng không dưới phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng.

Điều 12 Hoàn phí bảo hiểm

- 12.1 Trường hợp Người được bảo hiểm và DBV thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm thân tàu trước thời hạn bằng văn bản, DBV sẽ hoàn lại 80% (tám mươi phần trăm) số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian bảo hiểm chưa đến hạn tính từ ngày Hợp đồng được chấp nhận chấm dứt. Việc hoàn phí sẽ được thực hiện sau khi chấm dứt Hợp đồng.
- 12.2 Trường hợp tàu ngừng hoạt động để sửa chữa định kỳ hoặc đỗ tại cảng hay địa điểm an toàn được DBV chấp nhận với thời gian 30 (ba mươi) ngày liên tục trở lên, DBV sẽ hoàn lại 50% (năm mươi phần trăm) số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian tàu ngừng hoạt động khi kết thúc năm bảo hiểm. Nếu tàu bị tổn thất toàn bộ thuộc trách nhiệm bảo hiểm, phí bảo hiểm cho thời gian tàu ngừng hoạt động sẽ không được hoàn lại.

Trong mọi trường hợp, DBV chỉ hoàn phí bảo hiểm cho phần phí bảo hiểm vượt quá phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng.

Điều 13 Thời hạn bảo hiểm

- 13.1 Thời hạn bảo hiểm:

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, thời hạn bảo hiểm được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, dài nhất không quá 12 (mười hai) tháng, ngắn nhất không dưới 03 (ba) tháng.

- 13.2 Gia hạn Hợp đồng bảo hiểm:

Khi Giấy chứng nhận bảo hiểm đã hết hạn mà tàu còn đang trong chuyến hành trình hoặc đang gặp nguy hiểm hay ghé vào một nơi nào đó để lánh nạn thì tàu vẫn có thể được tiếp tục bảo hiểm cho đến khi về neo cột an toàn tại cảng đầu tiên, với điều kiện Người được bảo hiểm phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho DBV xin gia hạn Hợp đồng và nộp thêm phí bảo hiểm theo yêu cầu của DBV.

13.3 Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm:

(a) Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, hiệu lực bảo hiểm theo Điều khoản này sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau đây:

- (i) Người yêu cầu bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- (ii) Thay đổi cơ quan Đăng kiểm của tàu mà không thông báo cho DBV biết bằng văn bản;
- (iii) Tàu bị đình chỉ hoạt động;
- (iv) Tàu được bảo hiểm chuyển giao quyền chủ sở hữu và/hoặc chuyển quyền quản lý, khai thác (trừ khi chủ tàu đã thông báo cho DBV và được DBV chấp nhận bằng văn bản);
- (v) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các giấy tờ Đăng kiểm khác của tàu bị mất hiệu lực hay hết thời hạn;
- (vi) Riêng đối với những trường hợp các giấy tờ Đăng kiểm của tàu hết thời hạn trong lúc tàu còn đang trong chuyến hành trình thì việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu đến bến, cảng đầu tiên với điều kiện là thời hạn kéo dài không quá 15 (mười lăm) ngày và Người được bảo hiểm đã thông báo cho DBV biết trước bằng văn bản.

(b) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

DBV có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm sau khi thông báo trước 03 (ba) ngày cho Người được bảo hiểm nếu có sự thay đổi liên quan đến tàu được bảo hiểm làm tăng đáng kể rủi ro mà DBV chấp nhận bảo hiểm. Nếu tàu còn đang trong chuyến hành trình vào thời điểm thông báo thì theo yêu cầu bằng văn bản của Người được bảo hiểm, việc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu đến bến, cảng đầu tiên với điều kiện là hành trình của tàu bị kéo dài hợp lý. DBV sẽ hoàn lại số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian bảo hiểm chưa đến hạn tính từ ngày Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt.



- (c) Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận giữa hai bên

Hợp đồng bảo hiểm có thể được chấm dứt trước thời hạn khi có thoả thuận chấm dứt bằng văn bản giữa Người được bảo hiểm và DBV.

CHƯƠNG V – BẢO HIỂM TRÊN GIÁ TRỊ VÀ DƯỚI GIÁ TRỊ

Điều 14 Giới hạn trách nhiệm

Số tiền bảo hiểm thân tàu ghi trong Hợp đồng bảo hiểm, trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi bổ sung (nếu có) là số tiền mà người được bảo hiểm yêu cầu DBV bảo hiểm và là giới hạn trách nhiệm cao nhất mà DBV có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với một vụ tổn thất.

Điều 15 Bảo hiểm trên giá trị

Nếu số tiền bảo hiểm vượt quá giá trị thực tế của tàu tại thời điểm xảy ra tổn thất, DBV chỉ chịu trách nhiệm bồi thường không vượt quá giá trị thực tế của tàu tại thời điểm đó mà không hoàn lại phí bảo hiểm đối với phần giá trị vượt quá.

Điều 16 Bảo hiểm dưới giá trị

Nếu số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị thực tế của tàu, DBV sẽ:

- 16.1 Bồi thường tổn thất toàn bộ thân tàu theo số tiền bảo hiểm.
- 16.2 Bồi thường tổn thất bộ phận thân tàu và những chi phí theo khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm với giá trị thực tế của tàu.

CHƯƠNG VI – NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Điều 17 Nghĩa vụ cung cấp thông tin

- 17.1 Người yêu cầu bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo chính xác, đầy đủ mọi thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm vào thời điểm ký kết Hợp đồng để DBV có thể đánh giá mức độ rủi ro mà DBV chấp nhận bảo hiểm.



- 17.2 Nếu sau khi Hợp đồng bảo hiểm được ký kết, các thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm được cung cấp cho DBV khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm lại có sự thay đổi, Người yêu cầu bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho DBV biết, đặc biệt là những thay đổi liên quan đến tình trạng tàu được bảo hiểm: thay đổi kết cấu tàu, thay máy tàu,...

DBV có thể cấp Giấy sửa đổi bổ sung về những sự thay đổi đó và thu thêm phí bảo hiểm nếu xét thấy những sự thay đổi đó làm tăng thêm rủi ro và trách nhiệm bảo hiểm của DBV hoặc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13.

Điều 18 Tình trạng tàu và điều hành tàu

Người được bảo hiểm và người thừa hành như người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng và thuyền viên phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan, bao gồm:

- 18.1 Tàu phải được đóng mới, hoán cải, trang bị thiết bị, bảo quản, khai thác theo đúng quy phạm kỹ thuật của Đăng kiểm.
- 18.2 Thuyền viên trên tàu phải đủ định biên, có bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 18.3 Khi neo đậu, tàu phải được neo, buộc chắc chắn và phải có thuyền viên trực, trông tàu đủ ban ngày hay ban đêm để đảm bảo có hành động can thiệp ngay lập tức khi có tình huống nguy hiểm.
- 18.4 Người được bảo hiểm và người thừa hành phải hỗ trợ DBV hoặc người được DBV ủy quyền kiểm tra tình trạng tàu khi được DBV yêu cầu.

Điều 19 Đề phòng và hạn chế tổn thất

- 19.1 Người được bảo hiểm phải thực hiện mọi biện pháp có thể để ngăn chặn tàu được bảo hiểm gặp phải sự kiện bảo hiểm hoặc hạn chế hậu quả có thể xảy ra.
- 19.2 Khi xảy ra tổn thất có liên quan đến trách nhiệm của DBV, Người được bảo hiểm phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ, cứu hộ tàu được bảo hiểm, hạn chế tổn thất xảy ra.
- 19.3 DBV có thể cùng tham gia hoặc thay thế Người được bảo hiểm thực hiện các

biện pháp đề phòng và hạn chế tổn thất này mà không phải là sự chấp nhận bồi thường và không làm phương hại quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.

Điều 20 Thông báo tổn thất

Khi xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm phải:

- 20.1 Trình báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất để lập biên bản theo qui định đồng thời tìm mọi cách thông báo ngay cho DBV trong vòng 24 giờ (trừ trường hợp bất khả kháng) kể từ khi xảy ra tai nạn, sự cố; chậm nhất không quá 24 giờ kể từ thời điểm tàu về bến cảng đầu tiên phải thông báo cho DBV hoặc đại diện của DBV nơi gần nhất về việc tàu đã về đến bến. Nếu Người được bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định này thì DBV có quyền giảm trừ bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường hoặc áp dụng chế tài tối thiểu 10% số tiền bồi thường tổn thất thuộc trách nhiệm.
- 20.2 Phải kịp thời áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm cứu giúp, bảo vệ người, phương tiện và tài sản để ngăn ngừa, hạn chế tổn thất. Giúp giám định viên của DBV làm tốt nhiệm vụ giám định và giải quyết nhanh chóng hậu quả tai nạn. Trong mọi trường hợp, việc DBV chỉ định giám định và/hoặc tham gia cùng Người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, hạn chế tổn thất đều không được coi là chấp nhận bồi thường và không phương hại đến quyền lợi của mỗi bên. Trường hợp tàu bị chìm hoặc đắm, phải thả phao để đánh dấu đồng thời phải tiến hành tìm kiếm và trục vớt tàu. Nếu Người được bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định này thì DBV có quyền giảm trừ toàn bộ số tiền bồi thường hoặc áp dụng chế tài tối thiểu 20% số tiền bồi thường và được quy định cụ thể tại Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 21 Bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi hoàn

- 21.1 Bảo lưu quyền khiếu nại: Trường hợp tàu được bảo hiểm bị tổn thất do người khác gây ra, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho DBV trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi tàu bị tai nạn, sự cố và thực hiện ngay và đầy đủ những thủ tục cần thiết để bảo lưu quyền khiếu nại đối với Người thứ ba cho DBV.
- 21.2 Chuyển quyền đòi bồi hoàn: Khi DBV chấp nhận bồi thường những tổn thất do người thứ ba gây ra, Người được bảo hiểm phải làm văn bản chuyển quyền đòi bồi hoàn người thứ ba cho DBV, cung cấp tất cả những giấy tờ cần thiết

có liên quan và phối hợp cùng DBV đòi bồi hoàn từ Người thứ ba này.

Nếu Người được bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định này, DBV có quyền giảm trừ bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường hoặc áp dụng chế tài tối thiểu 30% số tiền bồi thường.

CHƯƠNG VII – GIÁM ĐỊNH VÀ BỒI THƯỜNG TỒN THẤT

Điều 22 Giám định tổn thất

- 22.1 Khi nhận được thông báo về tổn thất của Người được bảo hiểm, DBV hoặc đơn vị giám định được DBV chỉ định sẽ tiến hành giám định để xác định nguyên nhân, mức độ hư hỏng và tổn thất. Người được bảo hiểm có trách nhiệm giữ nguyên hiện trường trước khi giám định và phải thu xếp và tạo điều kiện tốt nhất để Người giám định tiến hành giám định tổn thất và giải quyết tai nạn ngay khi có thể. Việc giám định phải được thực hiện trước khi tiến hành sửa chữa các tổn thất của tàu, trừ khi có sự chỉ thị khác bằng văn bản của DBV. Trong quá trình giám định và giải quyết tại nạn, sự cố, Người giám định có thể yêu cầu sự chứng kiến của thuyền trưởng, đại diện chủ tàu và những nhân chứng có liên quan.
- 22.2 Trong trường hợp Người được bảo hiểm không tuân thủ quy định nêu trên, DBV có quyền giảm trừ toàn bộ số tiền bồi thường hoặc áp dụng chế tài tối thiểu 30% số tiền bồi thường và được quy định cụ thể tại Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 23 Phương án sửa chữa tàu và giá cả sửa chữa

- 23.1 Người được bảo hiểm phải thông báo cho DBV biết trước mọi dự kiến về phương án sửa chữa, nơi sửa chữa và giá sửa chữa các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
- 23.2 DBV có quyền:
- (a) Tham gia ý kiến và quyết định về phương án sửa chữa, nơi sửa chữa (chi phí phát sinh thêm thực sự về hành trình để đáp ứng yêu cầu của DBV được hoàn lại cho Người được bảo hiểm), giá cả sửa chữa;
 - (b) Yêu cầu mở cuộc đấu thầu hoặc mở thêm cuộc đấu thầu để sửa chữa tàu;
 - (c) Giám sát quá trình sửa chữa tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm;

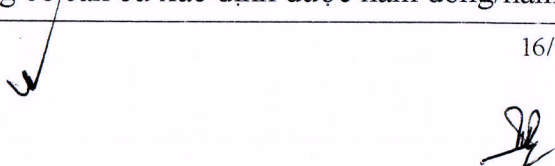
- (d) Nếu Người được bảo hiểm vi phạm quy định của Điều này, DBV có quyền trừ đến 15% (mười lăm phần trăm) số tiền được chấp thuận bồi thường mà không ảnh hưởng đến các khoản khấu trừ hoặc chế tài khác quy định trong Hợp đồng.

Điều 24 Tổn thất toàn bộ thân tàu

- 24.1 Tổn thất toàn bộ thân tàu nói trong Quy tắc này bao gồm cả tổn thất toàn bộ thực tế và tổn thất toàn bộ ước tính:
- (a) Tàu bị phá hủy hoặc bị hư hại hoàn toàn không thể phục hồi được cũng như tàu bị mất tích nếu như đã quá thời gian 03 (ba) tháng không nhận được tin tức gì về tàu đó đều được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.
- (b) Tàu bị hư hỏng mà xét thấy không thể tránh khỏi tổn thất toàn bộ hoặc toàn bộ chi phí sửa chữa phục hồi, chi phí trục vớt cứu hộ và các chi phí khác vượt quá giá trị thực tế của thân tàu được bảo hiểm thì được xác định là tổn thất toàn bộ ước tính.
- 24.2 Khi bồi thường tổn thất toàn bộ thân tàu, DBV được quyền sở hữu, thu hồi và xử lý xác tàu hoặc không nhận quyền và nghĩa vụ đối với xác tàu theo quy định của pháp luật.

Điều 25 Tổn thất bộ phận thân tàu

- 25.1 Trong mọi trường hợp trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, DBV chỉ bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế hợp lý và cần thiết cho từng bộ phận riêng biệt bị tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo các tiêu chuẩn chuyên môn để phục hồi tàu được bảo hiểm trở lại tình trạng đủ khả năng hoạt động theo yêu cầu của Đăng kiểm. Đối với các bộ phận thay thế, DBV có quyền sở hữu, thu hồi bộ phận đó sau khi bồi thường.
- 25.2 Số tiền bồi thường tổn thất bộ phận sẽ được tính bằng chi phí thực tế hợp lý để thay mới bộ phận hư hỏng riêng biệt, độc lập trừ đi số tiền khấu hao. Số tiền khấu hao được tính bằng 5% số tiền bồi thường/năm và được tính từ năm thứ 5 trở đi tính từ năm đóng (đối với vỏ tàu) hoặc năm sản xuất (đối với máy móc và trang thiết bị hàng hải) với điều kiện tổng số tiền khấu hao không vượt quá 50% số tiền bồi thường. Trường hợp bộ phận bị hư hỏng đã được thay mới trước đó thì việc khấu hao sẽ được tính từ ngày thay mới bộ phận hư hỏng đó với điều kiện người được bảo hiểm phải có bằng chứng về việc thay mới bộ phận hư hỏng đó. Trường hợp không có căn cứ xác định được năm đóng/năm



sản xuất của máy móc và trang thiết bị hàng hải thì số tiền khấu hao sẽ được tính là 50%.

- 25.3 Trong mọi trường hợp, nếu tàu bị tổn thất bộ phận chưa được sửa chữa mà tiếp đó lại xảy ra tổn thất toàn bộ trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực thì DBV chỉ giải quyết bồi thường tổn thất toàn bộ.

Điều 26 Mức khấu trừ

- 26.1 Nếu một vụ tổn thất được chấp nhận bồi thường thì DBV sẽ khấu trừ vào số tiền bồi thường mức khấu trừ quy định tại Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tổn thất toàn bộ.
- 26.2 DBV không bồi thường những tổn thất dưới mức khấu trừ quy định trong Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 26.3 Trường hợp xảy ra tổn thất mà nguyên nhân gây ra được quy một phần hoặc toàn bộ do sơ suất của thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, thợ máy và thủy thủ thuyền viên thì ngoài mức khấu trừ ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, DBV sẽ khấu trừ thêm 10% (mười phần trăm) số tiền được chấp nhận bồi thường.
- 26.4 Tàu được bảo hiểm thay thế, nâng cấp thân tàu nhưng không được đăng kiểm phê duyệt thiết kế hoặc đăng kiểm không giám sát thi công hoặc máy móc, trang thiết bị không có thông tin đầy đủ trong sổ Đăng kiểm của tàu thì DBV khấu trừ 50% số tiền bồi thường.
- Trong mọi trường hợp, tổng các mức khấu trừ áp dụng không quá 50% số tiền bồi thường.

Điều 27 Hồ sơ khiếu nại bồi thường

Khi yêu cầu DBV bồi thường, Người được bảo hiểm phải cung cấp cho DBV những chứng từ sau:

- 27.1 Thư khiếu nại yêu cầu bồi thường của Người được bảo hiểm;
- 27.2 Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- 27.3 Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;

- 27.4 Giấy tờ đăng kiểm của tàu;
- 27.5 Giấy phép khai thác thủy sản;
- 27.6 Danh sách thuyền viên xuất, nhập bến có xác nhận của Biên phòng;
- 27.7 Thông tin, dữ liệu thiết bị giám sát hành trình tàu cá của cơ quan chức năng;
- 27.8 Bảng thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, thợ máy, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên trên cơ sở định biên tối thiểu theo qui định pháp luật;
- 27.9 Báo cáo tai nạn hoặc tổn thất của thuyền trưởng và máy trưởng và/hoặc kháng nghị hàng hải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn hoặc bến, cảng đến đầu tiên (nếu tai nạn xảy ra khi tàu đang hành trình);
- 27.10 Biên bản giám định của DBV hoặc của Người giám định do DBV chỉ định;
- 27.11 Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo quy định của pháp luật (trường hợp tàu được bảo hiểm bị mất tích, phá hủy, tổn thất toàn bộ hoặc không còn khả năng phục hồi);
- 27.12 Biên bản tai nạn do công an, biên phòng, cảng vụ hoặc chính quyền địa phương lập theo quy định pháp luật;
- 27.13 Các chứng từ liên quan đến những chi phí đòi bồi thường như dự toán, hợp đồng, quyết toán, hóa đơn chi phí vật tư, phụ tùng và các chi phí cần thiết, hợp lý khác....
- 27.14 Thư khiếu nại và toàn bộ tài liệu, chứng từ liên quan đến trách nhiệm Người thứ ba (nếu có);
- 27.15 Những chứng từ có liên quan khác (trích sao sổ hành trình, nhật ký máy, nhật ký thời tiết hay các giấy tờ khác của tàu ... tùy theo từng vụ việc cụ thể).

DBV có quyền yêu cầu cung cấp bản chính các chứng từ trên để đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

Sau khi DBV nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại nói trên của Người được bảo hiểm, nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày mà không có yêu cầu gì thêm thì hồ sơ khiếu nại đó được coi là đầy đủ và hợp lệ.



Điều 28 Thời hạn thanh toán bồi thường

- 28.1 Đối với những khiếu nại thuộc trách nhiệm bảo hiểm, DBV sẽ trả lời việc bồi thường trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại hợp lệ của Người được bảo hiểm.
- 28.2 Trong trường hợp Người được bảo hiểm không chấp nhận việc DBV từ chối bồi thường đối với một phần của số tiền mà Người được bảo hiểm đã khiếu nại thì DBV sẽ bồi thường trước số tiền khiếu nại đã được hai bên chấp nhận, số tiền còn lại sẽ được tiếp tục xem xét giải quyết khi Người được bảo hiểm có văn bản, chứng từ chứng minh thêm hoặc thỏa thuận với DBV về số tiền bồi thường.

CHƯƠNG VIII – THỜI HẠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG VÀ THỜI HIỆU KHỞI KIẾN

Điều 29 Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm

Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không tính vào thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm.

Điều 30 Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải là 02 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

Điều 31 Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Trừ khi có thỏa thuận khác, mọi tranh chấp có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm giữa Người được bảo hiểm và DBV, nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra toà án nơi Người bảo hiểm đặt trụ sở để giải quyết./.

